

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 128/2024/HS-ST

Ngày: 30/01/2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cát Tường;
Bà Nguyễn Thị Thuởng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Trà M
- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 107/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức T, sinh năm 1984 tại Thanh Hóa; nơi thường trú: 1P Lô 555 CL 13 MBQH A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở trước khi bị bắt: Ngõ A T, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T1 (đã chết) và bà Hoàng Thị T2 (đã chết); tiền sự: không; tiền án:

- Ngày 17/11/2004, tại bản án số 164/HSST, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa chấp hành phần dân sự của bản án này;

- Ngày 23/4/2008, tại bản án số 79/2008/HSST, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa chấp hành phần dân sự của bản án này;

- Ngày 15/11/2011, tại bản án số 284/2011/HSST, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa chấp hành phần án phí của bản án này;

- Ngày 16/12/2014, tại bản án số 332/2014/HSST, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa chấp hành phần án phí của bản án này.

Nhân thân: ngày 14/11/2018, tại bản án số 28/2018/HS-ST, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/02/2019.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/9/2023 đến ngày 07/10/2023 chuyển tạm giam tại nhà Tạm giữ Công an thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trịnh Thế T3, sinh năm 1991 tại Thanh Hóa; nơi thường trú: số nhà G Q, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Ngọc T4 và bà Trần Thị L; tiền án, tiền sự: không; nhân thân:

- Ngày 28/10/2011, tại bản án số 35/2011/HSST, Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 05 năm tù về tội “ Cướp giật tài sản”;

- Ngày 15/09/2023, tại bản án số 339/2023/HS-ST, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 42 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/9/2023 đến ngày 07/10/2023 chuyển tạm giam tại nhà Tạm giữ Công an thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Anh Đinh Quang T5, sinh năm 2003.

Nơi thường trú: Rộc Răm, Xuân P, N, Thanh Hóa.

Nơi tạm trú: Số nhà A L, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chị Lê Thị Á, sinh năm 2003.

Nơi thường trú: Thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi tạm trú: Ngõ I, phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Anh T6, sinh ngày 24/12/2006.

Nơi thường trú: Thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi tạm trú: 12/199 N, phường Đ, thành phố T. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh T6: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982.

Nơi thường trú: Thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

4. Chị Lưu Phương M1, sinh năm 2002.

Nơi thường trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi tạm trú: 132 N, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

5. Anh Lê Văn M2, sinh năm 1996.

Nơi thường trú: Tổ dân phố K, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn D, sinh năm 1972.

Nơi thường trú: Thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982.

Nơi thường trú: Thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

3. Ông Lưu Văn C, sinh năm 1963.

Nơi thường trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

4. Anh Lê Khắc M3, sinh ngày 30/7/2007.

Người đại diện hợp pháp của anh M3: Bà Nguyễn Thị T7, sinh năm 1981 (mẹ đẻ).

Cùng nơi thường trú: 09/139 V, phố T, phường Q, thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cú mục đích chiếm đoạt tài sản nòn Nguyễn Đức T rủ Trịnh Thế T3 đi trộm cắp tài sản, T3 đồng ý. Trước khi đi T chuẩn bị vam phỏ khóa và sử dụng xe mỗy Dream màu nõu (khụng gắn biển kiểm soát) chở T3 đến còc khu nhà trọ trờn địa bàn thành phố T. Khi phỏt hiện sơ hở của chủ sở hữu, T ở ngoài cãnh giới, T3 trực tiếp vào nơi để tài sản dụng vam phỏ khóa để bẻ khóa xe mỗy. Trong khoảng thời gian từ ngày 01/9/2023 đến 27/9/2023, Nguyễn Đức T và Trịnh Thế T3 đó thực hiện 05 vụ trộm cắp xe mỗy trờn địa bàn thành phố T. Cụ thể:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 14 giờ 00 ngày 01/09/2023, T chở T3 đi đến khu nhà trọ ở A N, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Tại đây, T ở ngoài cãnh giới cho T3 đi vào, dùng vam phá khóa chiếc xe Wave Alpha màu xanh-đen-bạc, biển kiểm soát 36B2-251.20 của chị Lưu Phương M1, sinh năm 2002, thường trú tại: L, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa đang dựng dưới gầm cầu thang. Sau đó, cả hai mang chiếc xe vừa trộm cắp được đi tìm chỗ cất giấu. Khi đi đến bờ sông N ở chân cầu B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, T và T3 dừng lại mở cốp xe kiểm tra. Cả hai giữ lại đăng ký xe biển kiểm soát 36B2-251.20 mang tên Lưu Văn C bỏ vào cốp xe còn các đồ dùng khác thì vớt lại ở bờ sông. Sau đó, T mang chiếc xe đến gặp Nguyễn Thị Lan A (là cháu của T), sinh năm 1999, ở thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và nói cho gửi nhờ vài ngày sẽ quay lại lấy. Vài ngày sau, T đưa cho T3 1.000.000 đồng nói là tiền do bán xe mà có. Số tiền này T3 đã chi tiêu cá nhân hết.

- Vụ thứ hai: Khoảng 03 giờ ngày 02/09/2023, T chở T3 đi đến trước khu nhà trọ ở số nhà A L, phường Q, thành phố T. Thấy cổng nhà không khoá, T ở ngoài cãnh giới cho T3 đi vào dùng vam phá khóa chiếc xe máy Exciter, màu đen biển kiểm soát 36B6-504.15 của anh Đinh Quang T5, sinh năm 2003, thường trú tại: thôn R, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau đó cả hai đem tài sản vừa trộm cắp về nhà trọ của T ở ngõ A T, phường L, thành phố T. Đến sáng cùng ngày, T tháo bỏ biển kiểm soát 36B6-504.15 vớt xuống sông L ở khu vực cầu L thuộc phường Đ, thành phố T rồi điều khiển chiếc xe đến gửi cho Nguyễn Trọng H1 (là cháu của T), sinh năm 2007, ở 0 đường N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Vụ thứ ba: Khoảng 12 giờ 30 ngày 07/09/2023, T chở T3 đi qua số nhà A đường A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa phát hiện chiếc xe máy Wave Alpha màu xanh đen bạc biển kiểm soát 36B4- 617.88, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa, chủ xe là anh Lê Văn M2, sinh năm 1996 trú tại tổ dân phố K, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Quan sát xung quanh không thấy ai, T3 đi lại mở khóa điện trộm cắp xe rồi nhanh chóng tẩu thoát. T gọi điện thoại nói T3 tháo bỏ biển kiểm soát 36B4-617.88 để lại nhà trọ của mình rồi đi chiếc xe vừa trộm cắp đến thôn D, xã T, huyện T gửi cho Nguyễn Thị Lan A. Do khi đến không gặp được Lan A nên T3 để chiếc xe lại sân rồi quay về thành phố T. Đến tối cùng ngày, thấy chiếc xe ở sân nhà mình không rõ của ai, chị Lan A gọi điện hỏi thì T trả lời là của mình gửi lại, hẹn vài ngày nữa sẽ đến lấy cùng chiếc xe Wave Alpha, màu xanh-đen-bạc, biển kiểm

soát 36B2-251.20. Chị Lan A đồng ý. Đối với biển kiểm soát 36B4-617.88, T mang ra sông L ở khu vực cầu L, phường Đ, thành phố T vứt bỏ.

- Vụ thứ tư: Khoảng 03 giờ ngày 27/09/2023, T chở T3 đi đến ngõ I Q, phường Q, thành phố T, phát hiện một khu trọ không khóa cửa cổng, bên trong sân có nhiều xe máy không người trông coi. T3 đi vào trong dùng vạm phá khóa trộm cắp chiếc xe máy Wave Alpha màu đỏ-đen biển kiểm soát 36L8-8891 của chị Lê Thị Á, sinh năm 2003, thường trú tại thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa rồi đem chiếc xe về nhà trọ của T cất giấu, tháo biển kiểm soát. Đến khoảng 09 giờ ngày 28/9/2023, T3 rủ Nguyễn Văn T8, sinh năm 1995, ở A T, phường N, thành phố T cùng đi với T3 đến gặp Dương Tất T9 (là em rể T3), sinh năm 1990 ở 2 Q, phường Đ, thành phố T nhờ giữ hộ chiếc xe này.

- Vụ thứ năm: Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 27/09/2023, sau khi trộm cắp được chiếc xe của chị Lê Thị Á tại ngõ I Q, phường Q, thành phố T, T và T3 tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Khi đi qua khu trọ ở địa chỉ 1 N, phường Đ, thành phố T thấy cổng không khóa, có nhiều xe máy để ở ngoài sân không người trông coi. T và T3 đi vào dắt chiếc xe Wave Alpha màu đen – bạc biển kiểm soát 36B8-498.23 của anh Nguyễn Anh T6 sinh năm 2006 ở thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa đưa ra ngoài, sau đó đưa xe về nhà trọ của T cất giấu. T tháo biển kiểm soát 36B8-498.23 đem ra cầu L, phường Đ, thành phố T vứt xuống sông L và đi mua ổ khoá điện mới thay vào chiếc xe. Tiếp đó T điều khiển chiếc xe đến gặp Lê Khắc M3, sinh năm 2007, ở 0 V, phố T, phường Q, thành phố T nói là của mình, không sử dụng nên bán lấy số tiền 9.000.000 đồng. M3 tin tưởng nên đồng ý mua và đưa trước cho T, hẹn khi nào nhận đầy đủ giấy tờ sẽ thanh toán hết số tiền còn lại. Số tiền này T chia cho T3 một nửa là 1.475.000 đồng, các bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 112/KL-HĐĐGTS ngày 04/10/2023, Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố T kết luận 01 xe môtô nhón hiệu Yamaha Exciter 150cc, màu đen biển kiểm soát 36B6-504.15 cú giỏ trị 10.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 113/KL-HĐĐGTS ngày 04/10/2023, Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố T kết luận:

+ 01 xe môtô nhón hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 36B2-251.20 cú giỏ trị 6.000.000 đồng;

+ 01 xe môtô nhón hiệu Honda Wave, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 36B4-617.88 cú giỏ trị 7.000.000 đồng;

+ 01 xe môtô nhón hiệu Honda Wave Alpha, màu đỏ đen, biển kiểm soát 36L8-8819 cú giỏ trị 4.000.000 đồng;

+ 01 xe môtô nhón hiệu Honda Wave Alpha, màu đen bạc, biển kiểm soát 36B8-498.23 cú giỏ trị 12.000.000 đồng.

Tổng giỏ trị tài sản Nguyễn Đức T và Trịnh Thế T3 trộm cắp được là 39.000.000 đồng.

Vật chứng và trách nhiệm dẫn sự:

Cơ quan điều tra đó thu giữ của chị Nguyễn Thị Lan A 01 xe môtô Wave Alpha màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 36B2-251.20 và 01 xe môtô Wave Alpha màu xanh đen bạc, khung gắn biển kiểm soát. Thu giữ từ anh Nguyễn Trọng H1 01

xe máy Exciter màu đen, khung gắn biển kiểm soát. Thu giữ từ anh Dương Tất T9 01 xe máy Wave Alpha màu đỏ đen, khung gắn biển kiểm soát. Thu giữ từ anh Lò Khắc M3 01 xe máy Wave Alpha màu đen bạc, khung gắn biển kiểm soát.

Cơ quan điều tra đó tiến hành xác minh, xác định chủ sở hữu hợp pháp của 05 chiếc xe máy bị trộm cắp và ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho ụng Lưu Văn C, sinh năm 1963, ở thụn L, xó T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa xe máy Honda Wave Alpha, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 36B2-251.20; anh Lò Văn M2, sinh năm 1996, ở tổ dân phố K, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa xe máy Honda Wave, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 36B4-617.88; anh Đinh Quang T5, sinh năm 2003, ở thụn R, xó X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa xe máy Yamaha Exciter 150cc, màu đen biển kiểm soát 36B6-504.15; ụng Lò Văn D, sinh năm 1972, ở thụn H, xó X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa xe máy Honda Wave Alpha, màu đỏ đen, biển kiểm soát 36L8-8819 và ụng Nguyễn Văn H, sinh năm 1982, ở thụn Đ, xó C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa xe máy Honda Wave Alpha, màu đen bạc, biển kiểm soát 36B8-498.23. Những người này đó nhận lại tài sản và khung cú yều cầu, đề nghị gỡ.

Thu giữ từ Nguyễn Đức T 01 xe máy nhón hiệu Dream màu nâu, biển kiểm soát 36F6-4791, là phương tiện cộc bị cảo sử dụng để thực hiện trộm cắp tài sản. T khai chiếc xe này mua lại của một nam thanh niên (khụng biết tòn tuổi, địa chỉ). Qua xác minh khụng xác định được chủ sở hữu, đồng thời xác định chiếc xe khụng phải là vật chứng của vụ ỏn khỏc nờn chuyển đến Chi cục Thi hành ỏn dõn sự thành phố Thanh Hóa chờ xử lý theo quy định.

Đối với cộc biển kiểm soát 36B6-504.15, 36B4-617.88, 36B8-498.23 và bộ V phỏ khóa, T khai đó vớt xuống sụng L ở chõn cầu L, thuộc địa phận phường Đ, thành phố T. Cơ quan điều tra đó tiến hành truy tồm nhưng khụng thu giữ được.

Về trỏch nhiệm dõn sự: cộc bị hại là chị Lưu Phương M1, anh Đinh Quang T5, anh Lò Văn M2, chị Lò Thị ẽ và anh Nguyễn Anh T6 khụng cú yều cầu, đề nghị gỡ. Người cú quyền lợi nghĩa vụ liờn quan là anh Lò Khắc M3 khụng yều cầu cộc bị cảo phải bồi thường cho anh số tiền 2.950.000 đồng.

Đối với Nguyễn Thị Lan A, Nguyễn Trọng H1, Dương Tất T9, do cú quan hệ gia đõnh, tin tưởng T đó nhận giữ hộ xe mà khụng biết đõy là tài sản do trộm cắp được mà cú nờn khụng cú căn cứ để xử lý.

Đối với Lò Khắc M3, khi mua xe khụng biết chiếc xe do T trộm cắp được, đó đồng ý mua xe nờn khụng cú căn cứ để xử lý.

Ngày 28/9/2023, Nguyễn Đức T và Trịnh Thế T3 đó đến cơ quan Cụng an đầu thỳ.

Với nội dung trờn, bản cáo trạng số 47/CTr-VKSTPTH ngày 20/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức Thành về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Trịnh Thế T3 về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng

xét xử căn cứ: điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức T; căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trịnh Thế T3 để tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T, Trịnh Thế Trọng phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị xử phạt bị cáo T từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 28/9/2023; đề nghị xử phạt bị cáo T3 từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù, tổng hợp hình phạt với 42 tháng tù của bản án số 339/2023/HS-ST ngày 15/09/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 28/9/2023.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước phương tiện phạm tội là một xe máy nhãn hiệu FANLIM, màu sơn nâu, biển kiểm soát 36F6 – 4791.

Về phân trách nhiệm dân sự: Tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã được trả lại cho bị hại, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung truy tố của cáo trạng và không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo T3 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo T không trình bày lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tố tụng: Người bị hại là anh Đinh Quang T5, anh Lê Văn M2 có đơn xin xét xử vắng mặt, những người bị hại còn lại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy lời khai của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã đầy đủ trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt đối với các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3]. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức T, Trịnh Thế T3 khai nhận:

Do có mục đích chiếm đoạt tài sản nên bị cáo Nguyễn Đức T và bị cáo Trịnh Thế T3 đã chuẩn bị sẵn cớ phương tiện, đi dọc cớ tuyến đường tròn địa bàn thành phố T để quan sát và lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu nhằm chiếm đoạt tài sản. Từ

ngày 01/9/2023 đến 27/9/2023, Nguyễn Đức T và Trịnh Thế T3 đã thực hiện 05 vụ trộm cắp xe máy gồm:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 14 giờ 00 ngày 01/09/2023, tại khu nhà trọ ở A N, phường Q, thành phố T, bị cáo T và bị cáo T3 đã chiếm đoạt được chiếc xe Wave Alpha màu xanh-đen-bạc, biển kiểm soát 36B2-251.20 của chị Lưu Phương M1 trị giá 6.000.000 đồng.

- Vụ thứ hai: Khoảng 03 giờ ngày 02/09/2023, tại khu nhà trọ ở số nhà A L, phường Q, thành phố T, bị cáo T và bị cáo T3 chiếm đoạt được chiếc xe máy Exciter màu đen biển kiểm soát 36B6-504.15 của anh Đinh Quang T5, trị giá 10.000.000 đồng.

- Vụ thứ ba: Khoảng 12 giờ 30 ngày 07/09/2023, tại số nhà A đường A, phường Q, thành phố T, các bị cáo chiếm đoạt được chiếc xe máy Wave Alpha màu xanh đen bạc biển kiểm soát 36B4- 617.88 của anh Lê Văn M2, trị giá 7.000.000 đồng.

- Vụ thứ tư: Khoảng 03 giờ ngày 27/09/2023, tại ngõ I Q, phường Q, thành phố T, các bị cáo trộm cắp chiếc xe máy Wave Alpha màu đỏ-đen biển kiểm soát 36L8-8891 của chị Lê Thị Á, trị giá 4.000.000 đồng.

- Vụ thứ năm: Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 27/09/2023, sau khi trộm cắp được chiếc xe của chị Lê Thị Á, các bị cáo tiếp tục đi qua khu trọ ở địa chỉ 1 N, phường Đ, thành phố T, T và T3 đã trộm cắp chiếc xe Wave Alpha màu đen – bạc biển kiểm soát 36B8-498.23 của anh Nguyễn Anh T6 trị giá 12.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản cớ bị cớ chiếm đoạt được là 39.000.000 đồng.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa. Đối với bị cáo T: tại bản án số 164/HSST ngày 17/11/2004, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tại bản án số 79/2008/HSST, ngày 23/4/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa chấp hành phần dân sự của hai bản án này; tại bản án số 284/2011/HSST, ngày 15/11/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tại bản án số 332/2014/HSST, ngày 16/12/2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xử phạt 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa chấp hành phần án phí của hai bản án này. Như vậy bị cáo đã tái phạm, chưa được xoá án tích mà lại thực hiện hành phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo phải chịu tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm”.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Đức T có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; hành vi nêu trên của bị cáo Trịnh Thế T3 có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố T; các bị cáo đã lợi dụng sơ hở của người bị hại trong quản lý tài sản để lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, thể hiện các bị cáo là người rất liều lĩnh và táo bạo, coi thường pháp luật cho nên hành vi của các bị cáo phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong một khoảng thời gian ngắn từ ngày 01/9/2023 đến ngày 27/9/2023, các bị cáo đã 05 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vì vậy các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội hai lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu, đã bị Tòa án xét xử rất nhiều lần nhưng các bị cáo không lấy đây làm bài học để rèn luyện bản thân mà sau khi chấp hành hình phạt tù xong các bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện các bị cáo là người chưa thực sự ăn năn hối cải. Tuy nhiên quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã đến cơ quan công an để đầu thú. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể cho từng người. Tuy nhiên bị cáo T là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội nên giữ vai trò chính trong vụ án; bị cáo T3 là đồng phạm, thực hành tích cực trong việc thực hiện hành vi phạm tội nên có vai trò thấp hơn bị cáo T. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58 của Bộ luật Hình sự để xem xét, cân nhắc mức hình phạt cho phù hợp với từng bị cáo.

Ngày 15/09/2023, tại bản án số 339/2023/HS-ST, bị cáo T3 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 42 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như vậy mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: 01 xe máy nhón hiệu Yamaha Exciter 150cc, màu đen biển kiểm soát 36B6-504.15; 01 xe máy nhón hiệu Honda Wave Alpha, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 36B2-251.20; 01 xe máy nhón hiệu Honda Wave, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 36B4-617.88; 01 xe máy nhón hiệu Honda Wave Alpha, màu đỏ đen, biển kiểm soát 36L8-8819; 01 xe máy nhón hiệu Honda Wave Alpha, màu đen bạc, biển kiểm soát 36B8-498.23 đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 2.950.000 đồng anh Lê Khắc M3 mua chiếc xe Wave Alpha màu đen — bạc biển kiểm soát 36B8-498.23, anh M3 khụng yêu cầu cở bị cở phải bồi thường số tiền này nờn Hội đồng xét xử khụng xem xét. Số tiền 1.000.000 đồng bị cở T đưa cho bị cở T3 và nú là tiền bởn xe 36B2 — 251.20 nhưng chiếc xe này thực tiế T gửi tại nhà chị Nguyễn Thị Lan A. Tại phiên toà bị cở T khụng yêu cầu bị cở T3 phải trả lại cho bị cở số tiền này.

[7]. Xử lý vật chứng: xe mỏy nhón hiệu Dream màu nõu, biển kiểm soát 36F6-4791, thu giữ của bị cở Nguyễn Đức T là phương tiện cở bị cở sử dụng để thực hiện trộm cắp tài sản. T khai chiếc xe này mua lại của một nam thanh nờn khụng biết tòn tuổi, địa chỉ. Qua xỏc minh khụng xỏc định được chủ sở hữu, đồng thời xỏc định chiếc xe khụng phải là vật chứng của vụ ỏn khỏc vỡ vậy căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hỏnh sự để tịch thu nỏp ngỏn sỏch nhà nước chiếc xe mỏy này.

Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cực thi hành ỏn dỏn sự thành phố Thanh Hoỏ, tỉnh Thanh Hoỏ.

[8]. Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hỏnh sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hỏnh sự. Điều 6; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nỏp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức T;

Căn cứ khoản 1 Điều 173, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trịnh Thế T3;

Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hỏnh sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nỏp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức T, Trịnh Thế Trọng phạm t “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T 42 (bỏn hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 28/9/2023.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Thế T3 27 (hai bảy) tháng tù, tổng hợp với 42 (bỏn hai) tháng tù của bản án số 339/2023/HS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 28/9/2023.

- Xử lý vật chứng: Tịch thu nỏp ngỏn sỏch nhà nước xe mỏy nhón hiệu FANLIM, loại xe Dream, màu nõu, biển kiểm soát 36F6-4791, số khụng: NJ 100200070381, số mỏy: LC 152FMG 1A00433263.

Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, theo biên bản giao nhận vật chứng số 66/2024/THA ngày 21/12/2023 giữa Công an thành phố T với Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa;
- Nhà tạm giữ Công an TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Phương